| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 4 - 2022
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Châu Văn Bình;

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Văn Phước

2. Bà Bùi Thanh Thúy

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thụy Thùy Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà:*** Ông Trần Thanh Tiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc *"*Tranh chấp hôn nhân gia đình*"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Bùi Ngọc T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc S trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1999 chị S và anh T quen biết nhau, sau khi tìm hiểu được gia đình hai bên chấp thuận nên đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn, được UBND xã An Nhơn cấp giấy chứng nhận kết hôn

ngày 13/11/2002. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng vài năm gần đây thì cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng có nhiều rạn nứt, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung làm tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Mặc dù vợ chồng vẫn còn ở chung nhà nhưng cả hai không còn sinh hoạt chung, ăn riêng, ngủ riêng khoảng 3 năm nay. Tuy được Tòa án động viên để vợ chồng hàn gắn và hẹn ngày 25/02/2022 đến Tòa án hòa giải nhưng anh T vẫn không chịu tới và không hề có ý định thay đổi hoặc hàn gắn tình cảm như anh T trình bày trong biên bản Tòa án lấy lời khai trước đây. Do đó chị Nguyễn Thị Ngọc S cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T nên chị S yêu cầu ly hôn với anh Bùi Ngọc T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Hoài Ph, sinh ngày 02/7/2001. Hiện con đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 căn nhà (hiện đang ở). Chị S tự thỏa thuận với anh T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị S xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn anh Bùi Ngọc T vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 09/02/2022 anh T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất theo lời trình bày của chị S. Trước đây anh T và chị S quen biết nhau, sau khi tìm hiểu được gia đình hai bên chấp thuận nên đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn, được UBND xã An Nhơn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/11/2002. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị S xem thường anh T không làm ra tiền, anh T không chăm lo gia đình, nhiều lúc nóng giận anh T có lời lẽ xúc phạm chị S, vợ chồng dù ở chung nhà nhưng ăn riêng, ngủ riêng từ năm 2020 đến nay. Hiện anh T vẫn còn thương vợ nhưng tùy chị S quyết định, anh không quan T.

Anh T thừa nhận trước đây bản thân không quan T đến kinh tế gia đình và ghen tuông nên có lời lẽ xúc phạm chị S. Anh T yêu cầu cho thời gian 01 năm để khắc phục những sai trái trước đây. Nếu không sửa chữa được thì anh T đồng ý ly hôn cới chị S.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Hoài Ph, sinh ngày 02/7/2001. Hiện con đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có chung 01 căn nhà nhưng để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án (có bài phát biểu kèm theo).***

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

+ Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc S, cho chị S được ly hôn với anh Bùi Ngọc T.

+ Về con chung: Vợ chồng chị S, anh T có 01 con chung là Bùi Hoài Ph, sinh ngày 02/7/2001. Hiện con đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo luật định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Ngọc S yêu cầu ly hôn với anh Bùi Ngọc T. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự, tranh chấp hôn nhân gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Bị đơn anh Bùi Ngọc T dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng anh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Bùi Ngọc T, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Hôn nhân giữa chị S và anh T phát sinh trên cơ sở tự tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp thuận nên tiến đến hôn nhân, hai bên có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Nhơn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/11/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị S và anh T thống nhất trình bày: Sau khi cưới nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì đến năm 2020 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cự cải nhau, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng mặc dù sống chung nhà nhưng tự ai nấy sống, ăn riêng, ngủ riêng.

Vì vậy chị S thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T nên yêu cầu ly hôn. Trong khi đó mặc dù anh T trình bày còn thương vợ và yêu cầu yêu cầu chị S cho thời gian 01 năm để khắc phục những sai trái trước đây nhưng khi Tòa án mời các đương sự đến hòa giải, cũng như xét xử để tạo điều kiện cho anh T, chị S hàn gắn tình cảm thì anh T lại không đến.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 09/02/2022 anh T trình bày *"Hiện tình cảm tôi vẫn còn thương vợ nhưng tùy vợ tôi quyết định, tôi không quan T".* Điều này cho thấy anh T không hề có động thái nào để muốn hàn gắn tình cảm với chị S, nên xét tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đây là điều kiện để cho ly hôn.

**Điều 56 Ly hôn theo yêu cầu của một bên**

*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.*

Nên việc chị Nguyễn Thị Ngọc S yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Bùi Ngọc T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị S và anh T có 01 con chung là Bùi Hoài Ph, sinh ngày 02/7/2001. Hiện em Phong đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị S và anh T xác định có chung 01 căn nhà hiện đang ở, nhưng các đương sự yêu cầu tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị S và anh T xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc S chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 227; Điều 228, Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc S được ly hôn với anh Bùi Ngọc T.

- Về con chung: Chị S và anh T có 01 con chung là Bùi Hoài Ph, sinh ngày 02/7/2001. Hiện em Phong đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị S và anh T tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị S và anh T xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000032 ngày 29/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Về quyền kháng cáo: Chị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND xã An Nhơn);
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Châu Văn Bình**